

Bản án số: 35/2026/HSST
Ngày: 16/06/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Thọ.

Bà Phạm Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn B, sinh ngày 18/7/2007, CCCD số 030291908508; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn L, xã G, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn V, sinh năm: 1981 và con bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1984; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 08/4/2026 đến nay tại Phân trại tạm giam Tứ Kỳ thuộc Trại tạm giam số 02- Công an thành phố Hải Phòng theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số A566 ngày 08/4/2026 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Phòng. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Người bị hại: Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1997, trú tại Thôn V, xã N, tỉnh Hưng Yên.

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H2 .

(Bị hại vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt).

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần:

+ Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký TAND khu vực 11 - Hải Phòng.

- + Ông Nguyễn Trác Dương - Kiểm sát viên VKSNND khu vực 11 - Hải Phòng.
- + Ông Nguyễn Tiến Hùng - Cán bộ Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn B là lao động tự do, ngày 02/4/2026, B bắt xe khách đi từ nhà ở xã G, thành phố Hải Phòng đến địa phận xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên để tìm việc làm. Do chưa tìm được việc nên sáng ngày 03/4/2026, B mượn điện thoại của một người không quen biết, gọi điện đặt xe taxi của anh Nguyễn Công H, sinh năm 1997, trú tại Thôn V, xã N, tỉnh Hưng Yên chở B về nhà thì anh H đồng ý và điều khiển xe ô tô VINFAST VF6, màu sơn trắng, biển số 89H- 044.40 đến đón B. Trên đường đi, Bình ngồi hàng ghế sau, khi nhìn thấy anh H sử dụng điện thoại di động TECNO, loại POVA, vỏ màu sơn trắng bạc nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của anh H. Bình nói với anh H về việc mượn điện thoại trên đăng nhập ứng dụng Facebook để liên hệ với người thân và yêu cầu anh H chở về địa phận thôn Nghi Khê, xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng, anh H đồng ý và đưa điện thoại cho B. Trong khi sử dụng điện thoại, B đã xóa một số ứng dụng rồi khôi phục lại cài đặt gốc điện thoại, mục đích để khi chiếm đoạt được điện thoại, anh H sẽ không định vị được vị trí của B và khi bán sẽ được giá cao. Khoảng 07 giờ cùng ngày, khi đến điểm cuối tại khu vực xóm Hồng Quang, thôn Nghi Khê, xã Tân Kỳ, Bình yêu cầu dừng xe, lúc này theo đồng hồ tính cước gắn trong xe ô tô của anh H thì B phải trả tiền taxi là 895.275 đồng (gồm cước vận chuyển 61km từ xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên đi thôn Nghi Khê, xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng là 793.000 đồng và cước phí qua trạm thu phí cao tốc Hà Nội-Hải Phòng là 102.275 đồng) và B đưa trả điện thoại lại cho anh H. Khi anh H phát hiện và hỏi tại sao lại xóa hết ứng dụng trong điện thoại di động thì B không trả lời, sau đó B lại lấy lý do muốn mượn điện thoại chụp mã QR để nhờ người nhà chuyển tiền xe. Do tin tưởng nên anh H đồng ý giao chiếc điện thoại cho B. Anh H xuống mở cửa xe cho B và đi theo phía sau. Khi đến trước cổng nhà bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951, ở thôn Nghi Khê, xã Tân Kỳ, B nói dối anh H “anh đứng đây đợi em, không anh vào cùng thì mẹ em mắng”, mục đích để anh H tin tưởng không đi theo B nữa. Do tin tưởng Bình sẽ vào quét mã QR để trả tiền taxi nên anh H đứng đợi B ở cổng nhà bà L. B đi qua cổng vào sân nhà bà L, trèo qua tường bao rồi đi bộ về nhà bà ngoại B là bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964, ở cùng thôn (cách nhà bà L khoảng 10 mét). Sau đó, B tắt máy điện thoại cho vào túi quần bên phải. Khoảng 02 phút sau, bà L đi ra cổng gặp và hỏi anh H “anh là ai, đứng ở cổng làm gì” thì anh H trả lời “cháu là lái xe taxi, cháu đang đợi đứng lấy tiền”, bà L nói tiếp “Thằng đấy nó trèo tường chạy mất rồi”. Thấy vậy, anh H chạy vào trong sân nhà bà L thì không thấy

Bình đầu nên đã đến Công an xã Tân Kỳ trình báo sự việc. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Bình đang đi trên đường liên thôn Nghi Khê, xã Tân Kỳ thì bị Công an xã Tân Kỳ, phát hiện lập biên bản vụ việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL- ĐGTS ngày 04/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng, kết luận: Điện thoại di động hiệu TECNO POVA, số loại IMEI1: 359445281123574, IMEI2: 359445288639382, màu trắng bạc, mua ngày 14/3/2026 trị giá 3.400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 28/CT- VKS- KV11 ngày 27/05/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Văn B về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án thấp nhất.

Bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trình bày: về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án xét xử bị cáo Bình theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo Bình phải bồi thường về dân sự,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

a) Về trách nhiệm hình sự:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 08/4/2026.

- Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

b) Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

c) Về vật chứng: Không đặt ra giải quyết

d) Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng đó. Vì vậy, các

hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai, bản cung của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản xác định hiện trường và các biên bản làm việc, vật chứng của vụ án đã thu giữ, lời khai của người bị hại; lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Do cần chi tiêu cá nhân, nên vào khoảng 07 giờ ngày 03/4/2026 tại thôn Nghi Khê, xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Văn B đã dùng thủ đoạn gian dối là mượn điện thoại của anh Nguyễn Công H để vào nhà quét mã QR để trả tiền xe cho anh H. Anh H tin tưởng nên đã đưa chiếc điện thoại TECNO POVA màu trắng bạc cho B, B cầm điện thoại trên đi vào nhà bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951, ở cùng thôn rồi trèo qua tường bao nhà bà L bỏ trốn, tắt nguồn chiếm đoạt chiếc điện thoại trên. Giá trị tài sản B chiếm đoạt là 3.400.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn hưởng lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo:

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo do vậy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 895.275 đồng (gồm cước vận chuyển 61km từ xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên đi thôn Nghi Khê, xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng là 793.000 đồng và cước phí qua trạm thu phí cao tốc Hà Nội- Hải Phòng là 102.275 đồng) mà B chưa trả anh H. Ngày 30/4/2026, ông Nguyễn Văn V (bố đẻ B) đã trả cho anh H số tiền trên nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO, loại POVA, màu trắng bạc, lắp 02 sim điện thoại: 0964.371.169 và 0346.983.290, ngày 16/4/2026, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Nguyễn Công H là chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Vấn đề khác: Không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 174; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 08/4/2026.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16.6.2026). Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Phòng CS THAHS và hỗ trợ tư pháp - Công an thành phố Hải Phòng;
- **Cơ** quan CSĐT - Công an TP. Hải Phòng;
- **Phòng** THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo; bị hại;
- Trại Tạm giam số 2 Công an TP. Hải Phòng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM, HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Thiệp